

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **123/2021/DS-ST**

Ngày 26/8/2021

“Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYÊN QUANG
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Nhân.
2. Bà Trịnh Thị Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Q mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2020/TLST-DS, ngày 17/12/2020 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-DS, ngày 21/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-DS ngày 11/8/2021 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ngân hàng T.

Địa chỉ: Tòa nhà Thaiholding Tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện: Ngân hàng T – Chi nhánh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Giang N – Chức vụ: Giám đốc; ông Nguyễn Trọng T – Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách kinh doanh.

Địa chỉ Chi nhánh: Tòa nhà Viettel Tuyên Quang, số 172 đường Bình Thuận, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang

** Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1982 và ông Đỗ Văn D, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn Đồng Môn, xã T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn, bà Nguyễn Thị V có mặt tại phiên tòa, ông Đỗ Văn D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, Ngân hàng T trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau: Năm 2016 Ngân hàng T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 147/2016/00423052/HDTD.TDH ngày 25/01/2016 với bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1982 và ông Đỗ Văn D, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Đồng Mon, xã T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Nội dung ký kết thể hiện cụ thể trong hợp đồng như sau: Số tiền vay 100.000.000 đồng; mục đích vay vốn để mua đồ dùng gia đình; thời gian vay 60 tháng; lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Tín chấp. Quá trình thực hiện Hợp đồng bà Nguyễn Thị V và ông Đỗ Văn D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết giữa 02 bên, Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng bà V ông D vẫn không thanh toán theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng. Tính đến thời điểm khởi kiện dư nợ gốc của khoản vay còn 21.510.000 đồng và gốc quá hạn, lãi trong hạn, lãi quá hạn.

Đến ngày xét xử 26 tháng 8 năm 2021, bà Nguyễn Thị V và ông Đỗ Văn D còn nợ Ngân hàng T – Chi nhánh Tuyên Quang tổng số tiền 28.155.378đ (*Hai mươi tám triệu một trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng*); trong đó: Dư nợ gốc là 21.510.000đ (*Hai mươi một triệu năm trăm mười nghìn đồng*); nợ gốc quá hạn 3.846.486đ (*Ba triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng*); nợ lãi trong hạn 2.459.719đ (*Hai triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm mười chín đồng*); nợ lãi quá hạn 339.173đ (*Ba trăm ba mươi chín nghìn một trăm bảy mươi ba đồng*). Ngân hàng T đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị V và ông Đỗ Văn D cùng phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng ký kết giữa hai bên, số tiền dư nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 26 tháng 8 năm 2021 là 28.155.378đ (*Hai mươi tám triệu một trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng*); buộc bà Nguyễn Thị V và ông Đỗ Văn D tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 147/2016/00423052/HDTD.TDH ngày 25/01/2016 cho đến ngày tất toán khoản vay; nếu sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà bà V ông D không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản để thanh toán khoản vay.

Tại bản tự khai và ý kiến trong quá trình giải quyết bị đơn, bà Nguyễn Thị V trình bày: Năm 2016 do nhu cầu sinh hoạt của gia đình bà và ông Đỗ Văn D, chồng bà có ký hợp đồng tín dụng số 147/2016/00423052/HDTD.TDH ngày 25/01/2016 với Ngân hàng T – Chi nhánh Tuyên Quang để vay một khoản vốn về sử dụng chung trong gia đình. Sau khi vay bà và ông D có trả lãi và gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng. Tuy nhiên, sau này vì việc làm ăn của ông D sa sút, kinh tế gia đình khó khăn, bà còn phải nuôi các con ăn học nên chưa trả được nốt số tiền nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện bà xác nhận bà và ông D còn nợ của Ngân hàng T một khoản tiền theo đúng hồ sơ tín dụng mà Ngân hàng cung cấp cho Tòa án. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà đã được kiểm tra hồ sơ và xem lại phần tiền nợ gốc và nợ lãi chưa trả. Từ khi Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng bà có nhận được giấy tờ do Tòa án gửi, ông D hiện đang đi làm ở Hà Nội, do tình hình dịch Covid-19 nên không về Tuyên Quang được. Thời gian gần đây vợ chồng có một vài chuyện nên ông D cũng

vô trách nhiệm với gia đình và vợ con, để mặc bà lo cho các con một mình. Việc Ngân hàng khởi kiện bà có thường xuyên điện thoại trao đổi với ông D nhưng ông D thờ ơ, không có trách nhiệm, đi làm cũng không gửi tiền về để bà trả nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng bà nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết nghĩa vụ trả nợ theo quy định, đây là khoản vay nợ chung của bà và ông D, vay về để sử dụng chung trong gia đình, khi vay ông D biết, nhất trí và cùng ký vào hợp đồng tín dụng. Nên bà đề nghị ông D cũng phải chịu trách nhiệm trả nợ cùng bà. Số tiền còn nợ tính đến ngày 26/8/2021 như Ngân hàng yêu cầu là tổng số tiền 28.155.378đ (*Hai mươi tám triệu một trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng*); trong đó: Dư nợ gốc là 21.510.000đ (*Hai mươi một triệu năm trăm mười nghìn đồng*); nợ gốc quá hạn 3.846.486đ (*Ba triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng*); nợ lãi trong hạn 2.459.719đ (*Hai triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm mười chín đồng*); nợ lãi quá hạn 339.173đ (*Ba trăm ba mươi chín nghìn một trăm bảy mươi ba đồng*). Bà sẽ chịu trách nhiệm trả một nửa còn lại ông D phải chịu trách nhiệm, trong thời gian chưa trả được bà nhất trí tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì khi ký hợp đồng vay bà và ông D đã được đọc nội dung hợp đồng, nhất trí nội dung và tự nguyện ký kết.

Quá trình Tòa án nhân dân thành phố Q giải quyết vụ án, ông Đỗ Văn D không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả xác minh thể hiện ông D vắng mặt tại địa phương, ông D đi làm ăn xa, thường xuyên không có nhà, thỉnh thoảng mới về rồi lại đi luôn; bà V và các con chúng của bà V ông D vẫn cư trú tại địa phương, ông D bà V có nhà ở riêng. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 466, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T (đơn vị được ủy quyền Ngân hàng T – Chi nhánh Tuyên Quang), buộc bà Nguyễn Thị V và ông Đỗ Văn D phải trả cho Ngân hàng T số tiền 28.155.378đ (*Hai mươi tám triệu một trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng*); trong đó: Dư nợ gốc là 21.510.000đ (*Hai mươi một triệu năm trăm mười nghìn đồng*); nợ gốc quá hạn 3.846.486đ (*Ba triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng*); nợ lãi trong hạn 2.459.719đ (*Hai triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm mười chín đồng*); nợ lãi quá hạn 339.173đ (*Ba trăm ba mươi chín nghìn một trăm bảy mươi ba đồng*). Bà V và ông D mỗi người phải trả một nửa số tiền còn nợ. Đồng thời, buộc bà Nguyễn Thị V ông Đỗ Văn D tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo mức thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 147/2016/00423052/HDTD.TDH ngày 25/01/2016 cho đến ngày tất toán khoản vay. Đối với yêu cầu về việc xử lý tài sản nếu bị đơn không trả

được khoản vay, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thi hành án dân sự tại giai đoạn thi hành án nên không đề nghị xem xét; bà Nguyễn Thị V và ông Đỗ Văn D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với khoản tiền phải trả tại thời điểm xét xử; Ngân hàng T (đơn vị được ủy quyền Ngân hàng T – Chi nhánh Tuyên Quang) không phải nộp án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp khi thụ lý vụ án. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú trên địa bàn thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các đương sự là hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng T (đơn vị được ủy quyền Ngân hàng T – Chi nhánh Tuyên Quang) và bà Nguyễn Thị V ông Đỗ Văn D. Nên xác định đây là giao dịch dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đánh giá tài liệu, chứng cứ:

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa nguyên đơn và các bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng số 147/2016/00423052/HDTD.TDH ngày 25/01/2016. Bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng; mục đích vay vốn để mua đồ dùng gia đình; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Tín chấp. Hồ sơ tín dụng được lập giữa hai bên phù hợp với các quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử, ngày 26 tháng 8 năm 2021 các bị đơn còn nợ tổng số tiền 28.155.378đ (*Hai mươi tám triệu một trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng*); trong đó: Dư nợ gốc là 21.510.000đ (*Hai mươi một triệu năm trăm mười nghìn đồng*); nợ gốc quá hạn 3.846.486đ (*Ba triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng*); nợ lãi trong hạn 2.459.719đ (*Hai triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm mười chín đồng*); nợ lãi quá hạn 339.173đ (*Ba trăm ba mươi chín nghìn một trăm bảy mươi ba đồng*). Trong hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên có thỏa thuận rất cụ thể về các nội dung bao gồm cả nội dung lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn khi không thanh toán đúng hạn. Các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị V xác nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng và chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã nêu ở trên là đúng, bà V cũng xác nhận số tiền còn nợ như Ngân hàng đã tính toán theo hợp đồng là đúng, bà V sẽ chịu trách nhiệm trả một nửa số tiền chưa thanh toán cho Ngân hàng, một nửa là nghĩa vụ của ông D. Vì đây là khoản vay chung của vợ chồng, dùng vào mục đích sinh hoạt chung của gia đình, ông D cùng ký kết hợp đồng tín dụng với bà.

Quá trình giải quyết bị đơn, ông Đỗ Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, kết quả xác minh tại địa phương và thông tin bà Nguyễn Thị V cung cấp, thể hiện ông D hiện đi làm ăn ở Hà Nội, thỉnh thoảng có về nhà, bà V có thường xuyên gọi điện trao đổi với ông D về việc Ngân hàng khởi kiện nhưng ông D không về để giải quyết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Do vậy, việc ông D vắng mặt thể hiện ý thức cố ý trốn tránh, Tòa án giải quyết vụ án theo trường hợp vắng mặt bị đơn vì đương sự dấu địa chỉ, cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Việc ông D không đến Tòa án làm việc là do ý thức chủ quan của đương sự, không tự bảo vệ quyền của mình và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

Từ những nhận định đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ bao gồm cả tiền gốc, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26 tháng 8 năm 2021, tổng số tiền là 28.155.378đ (*Hai mươi tám triệu một trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng*); trong đó: Bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ thanh toán số tiền 14.077.689đ (*Mười bốn triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng*); gồm: Dư nợ gốc là 10.755.000đ (*Mười triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*); nợ gốc quá hạn 1.923.243đ (*Một triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng*); nợ lãi trong hạn 1.229.860đ (*Một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi đồng*); nợ lãi quá hạn 169.586đ (*Một trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng*). Ông Đỗ Văn D có nghĩa vụ thanh toán số tiền 14.077.689đ (*Mười bốn triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng*); gồm: Dư nợ gốc là 10.755.000đ (*Mười triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*); nợ gốc quá hạn 1.923.243đ (*Một triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng*); nợ lãi trong hạn 1.229.860đ (*Một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi đồng*); nợ lãi quá hạn 169.586đ (*Một trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng*). Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Đỗ Văn D tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo mức thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 147/2016/00423052/HDTD.TDH ngày 25/01/2016 cho đến ngày tất toán khoản vay.

Đối với yêu cầu về việc xử lý tài sản của bị đơn để thanh toán nợ tại giai đoạn thi hành án nếu bị đơn không trả được nợ: Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên là hợp đồng tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản. Việc xử lý tài sản của bị đơn nếu bị đơn không trả được nợ tại giai đoạn thi hành án thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nội dung này trong bản án và quyết định của bản án. Nếu bị đơn không trả được nợ thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nguyên đơn có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đến cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị V và ông Đỗ Văn D mỗi người phải chịu một nửa án phí dân sự có giá ngạch của vụ án.

Ngân hàng T không phải nộp án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 466, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T (đơn vị được ủy quyền Ngân hàng T – Chi nhánh Tuyên Quang). Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Đỗ Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền **28.155.378đ** (*Hai mươi tám triệu một trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng*); trong đó: Bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ thanh toán số tiền **14.077.689đ** (*Mười bốn triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng*); gồm: Dư nợ gốc là 10.755.000đ (*Mười triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*); nợ gốc quá hạn 1.923.243đ (*Một triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng*); nợ lãi trong hạn 1.229.860đ (*Một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi đồng*); nợ lãi quá hạn 169.586đ (*Một trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng*). Ông Đỗ Văn D có nghĩa vụ thanh toán số tiền **14.077.689đ** (*Mười bốn triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng*); gồm: Dư nợ gốc là 10.755.000đ (*Mười triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*); nợ gốc quá hạn 1.923.243đ (*Một triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng*); nợ lãi trong hạn 1.229.860đ (*Một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi đồng*); nợ lãi quá hạn 169.586đ (*Một trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng*).

Bà Nguyễn Thị V, ông Đỗ Văn D tiếp tục phải trả lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn cho Ngân hàng T (đơn vị được ủy quyền Ngân hàng T – Chi nhánh Tuyên Quang) cho đến khi tất toán khoản vay. Nếu bà V ông D chậm trả thì tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 147/2016/00423052/HDTD.TDH ngày 25/01/2016.

2. Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch của vụ án là 1.407.769đ (*Một triệu bốn trăm không trăm linh bảy nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng*). Bà Nguyễn Thị V phải nộp 703.884đ (*Bảy trăm linh ba nghìn tám trăm tám mươi tư đồng*); ông Đỗ Văn D phải nộp phải nộp 703.884đ (*Bảy trăm linh ba nghìn tám trăm tám mươi tư đồng*) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

Ngân hàng T (đơn vị được ủy quyền Ngân hàng T – Chi nhánh Tuyên Quang) không phải nộp án phí. Trả lại cho Ngân hàng T (đơn vị được ủy quyền Ngân hàng T – Chi nhánh Tuyên Quang) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 618.451đ (*Sáu trăm mười tám nghìn bốn trăm năm mươi mốt đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000786, ngày 16 tháng 12 năm 2020.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng T (đơn vị được ủy quyền Ngân hàng T – Chi nhánh Tuyên Quang), bà Nguyễn Thị V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Đỗ Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lý Thị Nhân – Trịnh Thị Phương

Lương Thanh Huyền

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Q;
- THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

